

## DANH MỤC KỸ THUẬT - BỆNH VIỆN ĐA KHOA VẠN PHÚC 2

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		A	B	C	D
	<b>A. TUẦN HOÀN</b>				
1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường $\leq 8$ giờ	X	X	X	
2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	X	X	X	
3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục $\leq 8$ giờ	X	X	X	
4	Ghi điện tim qua chuyển đạo thực quản	X	X		
5	Làm test phục hồi máu mao mạch	X	X	X	X
6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	X	X	X	X
7	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng	X	X	X	
8	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	X	X	X	
9	Đặt catheter động mạch	X	X		
10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	X	X	X	
11	Chăm sóc catheter động mạch	X	X		
12	Đặt đường truyền vào xương (qua đường xương)	X	X	X	
13	Đặt đường truyền vào thể hang	X	X		
14	Đặt catheter động mạch phổi	X	X		
15	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	X	X	X	
16	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục $\leq 8$ giờ	X	X		
17	Đo áp lực động mạch xâm nhập liên tục $\leq 8$ giờ	X	X		
18	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	X	X	X	
19	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường	X	X	X	
20	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch cấp cứu	X	X	X	
21	Siêu âm dẫn đường đặt catheter động mạch cấp cứu	X	X	X	
22	Siêu âm cấp cứu đánh giá tiền gánh tại giường bệnh ở người bệnh sốc	X	X		
23	Thăm dò huyết động theo phương pháp PICCO	X	X		
24	Theo dõi áp lực các buồng tim, áp lực động mạch phổi bất xâm nhập $\leq 8$ giờ	X	X		
25	Kỹ thuật đánh giá huyết động cấp cứu không xâm nhập bằng USCOM	X	X		
26	Đo cung lượng tim bằng phương pháp pha loãng nhiệt qua catheter động mạch phổi	X	X		
27	Thăm dò huyết động tại giường bằng phương pháp pha loãng nhiệt	X	X		
28	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường $\leq 8$ giờ	X	X	X	X
29	Đo độ bão hòa oxy tĩnh mạch trung tâm (ScvO2)	X	X		
30	Đo độ bão hòa oxy tĩnh mạch cảnh (SjvO2)	X	X		
31	Đo độ bão hòa oxy tĩnh mạch trộn (SvO2)				
32	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	X	X	X	
33	Đặt máy khử rung tự động	X	X		

34	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện	X	X	X	
35	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	X	X	X	
36	Tạo nhịp tim cấp cứu tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực	X	X	X	
37	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong buồng tim	X	X	X	
38	Tạo nhịp tim vượt tần số	X	X		
39	Hạ huyết áp chỉ huy $\leq 8$ giờ	X	X	X	
40	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	X	X	X	
41	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	X	X	X	
42	Đặt dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu bằng catheter qua da	X	X		
43	Mở màng ngoài tim cấp cứu tại giường bệnh	X	X	X	
44	Dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu $\leq 8$ giờ	X	X	X	
45	Dùng thuốc chống đông	X	X	X	
46	Điều trị tiêu sợi huyết cấp cứu	X	X		
47	Đặt bóng đối xung động mạch chủ	X			
48	Tim phổi nhân tạo (ECMO) cấp cứu tại giường trong hỗ trợ suy hô hấp cấp $\leq 8$ giờ	X			
49	Tim phổi nhân tạo (ECMO) cấp cứu tại giường trong hỗ trợ suy tuần hoàn cấp $\leq 8$ giờ	X			
50	Liệu pháp insulin liều cao điều trị ngộ độc (để nâng huyết áp) $\leq 8$ H	X	X	X	
51	Hồi sức chống sốc $\leq 8$ giờ	X	X	X	X
	<b>B. HÔ HẤP</b>			X	
52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn	X	X	X	X
53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	X	X	X	X
54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	X	X	X	X
55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	X	X	X	
56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	X	X	X	
57	Thở oxy qua gọng kính ( $\square 8$ giờ)	X	X	X	X
58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi ( $\square 8$ giờ)	X	X	X	X
59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) ( $\square 8$ giờ)	X	X	X	X
60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) ( $\square 8$ giờ)	X	X	X	X
61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) ( $\square 8$ giờ)	X	X	X	X
62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính $\leq 8$ giờ	X	X	X	X
63	Thở oxy qua mặt nạ venturi ( $\square 8$ giờ)	X	X	X	
64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	X	X	X	X
65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	X	X	X	X
66	Đặt ống nội khí quản	X	X	X	
67	Đặt nội khí quản 2 nòng	X	X		
68	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	X	X	X	
69	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	X	X	X	

70	Đặt ống nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn (Hi - low EVAC)	X	X		
71	Mở khí quản cấp cứu	X	X	X	
72	Mở khí quản qua màng nhĩ giáp	X	X	X	
73	Mở khí quản thường quy	X	X	X	
74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngay thở	X	X	X	
75	Chăm sóc ống nội khí quản (mộ t lần)	X	X	X	
76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	X	X	X	
77	Thay ống nội khí quản	X	X	X	
78	Rút ống nội khí quản	X	X	X	
79	Rút canuyn khí quản	X	X	X	
80	Thay canuyn mở khí quản	X	X	X	
81	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	X	X	X	X
82	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)	X	X	X	X
83	Theo dõi ETCO2 $\leq$ 8 giờ	X	X		
84	Thăm dò CO2 trong khí thở ra	X	X	X	
85	Vận động trị liệu hô hấp	X	X	X	
86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	X	X	X	X
87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	X	X	X	
88	Làm ẩm đ ường thở qua máy phun sương mù	X	X	X	
89	Đặt canuyn mở khí quản 02 nòng	X	X	X	X
90	Đặt stent khí phế quản	X	X		
91	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhĩ giáp	X	X	X	
92	Siêu âm màng phổi cấp cứu	X	X		
93	Chọc hút dịch – khí màng phổi bằng kim hay catheter	X	X	X	
94	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp $\leq$ 8 giờ	X	X	X	
95	Mở màng phổi cấp cứu	X	X	X	
96	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca	X	X	X	
97	Dẫn lưu màng phổi liên tục $\leq$ 8 giờ	X	X	X	
98	Chọc hút dịch, khí trung thất	X	X		
99	Dẫn lưu trung thất liên tục $\leq$ 8 giờ	X	X		
100	Nội soi màng phổi để chẩn đoán	X	X		
101	Nội soi màng phổi sinh thiết	X	X		
102	Gây dính màng phổi bằng bơm bột Talc qua nội soi lồng ngực	X	X		
103	Gây dính màng phổi bằng nhũ dịch Talc qua ống dẫn lưu màng phổi	X	X		
104	Gây dính màng phổi bằng povidone iodine bơm qua ống dẫn lưu màng phổi	X	X		
105	Gây dính màng phổi bằng tetracyclin bơm qua ống dẫn lưu màng phổi	X	X		
106	Nội soi khí phế quản cấp cứu	X	X	X	
107	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán cấp cứu ở người bệnh không thở máy	X	X		
108	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán cấp cứu ở người bệnh có thở máy	X	X		

109	Nội soi phế quản ống mềm điều trị cấp cứu ở người bệnh không thở máy	x	x		
110	Nội soi phế quản ống mềm điều trị cấp cứu ở người bệnh có thở máy	x	x		
111	Nội soi khí phế quản lấy dị vật	x	x	x	
112	Bơm rửa phế quản	x	x		
113	Rửa phế quản phế nang	x	x		
114	Rửa phế quản phế nang chọn lọc	x	x		
115	Siêu âm nội soi phế quản ống mềm	x			
116	Nội soi bơm rửa phế quản cấp cứu lấy bệnh phẩm ở người bệnh thở máy	x	x		
117	Nội soi phế quản cấp cứu để cầm máu ở người bệnh thở máy	x	x		
118	Nội soi phế quản sinh thiết ở người bệnh thở máy	x	x		
119	Nội soi phế quản sinh thiết xuyên thành ở người bệnh thở máy	x	x		
120	Nội soi khí phế quản hút đờm	x	x		
121	Nội soi khí phế quản điều trị xẹp phổi	x	x		
122	Nội soi phế quản và chài phế quản	x	x		
123	Nội soi phế quản kết hợp sử dụng ống thông 2 nòng có nút bảo vệ	x	x		
124	Nội soi phế quản ánh sáng huỳnh quang	x			
125	Điều trị đốt điện các khối u nội khí phế quản với tia laser	x			
126	Điều trị đốt điện các khối u nội khí phế quản bằng áp lạnh	x			
127	Điều trị đốt điện các khối u nội khí phế quản bằng đồng tương argon	x			
128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập $\leq 8$ giờ	x	x	x	
129	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac $\leq 8$ giờ	x	x	x	
130	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP $\leq 8$ giờ	x	x	x	
131	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP $\leq 8$ giờ	x	x	x	
132	Thông khí nhân tạo xâm nhập $\leq 8$ giờ	x	x	x	
133	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV $\leq 8$ giờ	x	x	x	
134	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV $\leq 8$ giờ	x	x	x	
135	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) $\leq 8$ giờ	x	x	x	
136	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV $\leq 8$ giờ	x	x	x	
137	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV $\leq 8$ giờ	x	x	x	
138	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP $\leq 8$ giờ	x	x	x	
139	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức APRV $\leq 8$ giờ	x	x		
140	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức NAVA $\leq 8$ giờ	x			
141	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức HFO $\leq 8$ giờ	x			

142	Thông khí nhân tạo kiểu áp lực thể tích với đích thể tích (VCV+ hay MMV+Assure)	x			
143	Thông khí nhân tạo với khí NO	x			
144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	x	x	x	
145	Cai thở máy bằng phương thức SIMV $\leq 8$ giờ	x	x	x	
146	Cai thở máy bằng phương thức PSV $\leq 8$ giờ	x	x	x	
147	Cai thở máy bằng thở T-tube ngắt quãng $g \leq 8$ giờ	x	x	x	
148	Thủ thuật huy động phế nang 40/40	x	x		
149	Thủ thuật huy động phế nang 60/40	x	x		
150	Thủ thuật huy động phế nang PCV	x	x		
151	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP	x	x	x	
152	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở bằng T -tube				
153	Thở máy xâm nhập hai phổi độc lập $\leq 8$ giờ	x	x		
154	Theo dõi các thông số cơ học phổi $\leq 8$ giờ	x	x	x	
155	Gây mê liên tục kiểm soát người bệnh thở máy $\leq 8$ giờ	x	x	x	
156	Điều trị bằng oxy cao áp	x	x		
157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x
158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
159	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	x	x	x	
	<b>C. THẬN - LỌC MÁU</b>			x	
160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	x
161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x	
162	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	x	x	x	
163	Mở thông bàng quang trên xương mu	x	x	x	
164	Thông bàng quang	x	x	x	x
165	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
166	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x	
167	Chọc thăm dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
168	Dẫn lưu u bể thận qua da cấp cứu $\leq 8$ giờ	x	x		
169	Dẫn lưu bể thận ngược dòng cấp cứu bằng nội soi $\leq 8$ giờ	x	x		
170	Bài niệu c ưỡng bức $\leq 8$ giờ	x	x	x	
171	Kiểm hóa nước tiểu tăng thải trừ chất độc $\leq 8$ giờ	x	x	x	
172	Đặt catheter lọc máu cấp cứu	x	x		
173	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông động tĩnh mạch)	x	x	x	
174	Thận nhân tạo cấp cứu	x	x	x	
175	Thận nhân tạo thường qui	x	x	x	
176	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH)	x	x		
177	Lọc máu liên tục cấp cứu có thẩm tác h (CVVHD)	x	x		
178	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn	x	x		
179	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy đa tạng	x	x		
180	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh viêm tụy cấp	x	x		
181	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF)	x	x		
182	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn	x	x		

183	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh suy đa tạng	X	X		
184	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVV HDF) cho người bệnh viêm tụy cấp	X	X		
185	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh ARDS	X	X		
186	Lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích.	X	X		
187	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy thận cấp do tiêu cơ vân nặng	X	X		
188	Lọc màng bụng cấp cứu liên tục	X	X		
189	Lọc và tách huyết tương chọn lọc	X	X		
190	Lọc máu hấp phụ với màng lọc đặc biệt trong sốc nhiễm khuẩn	X	X		
191	Lọc máu hấp phụ bằng quả lọc resin	X	X		
192	Thay huyết tương sử dụng huyết tương	X	X		
193	Thay huyết tương sử dụng albumin	X	X		
194	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc	X			
195	Thay huyết tương trong hội chứng Guillain -Barré, nhược cơ	X	X		
196	Thay huyết tương trong lupus ban đỏ rải rác	X	X		
197	Thay huyết tương trong hội chứng xuất huyết giảm tiểu cầu tắc mạch (hội chứng TTP)	X	X		
198	Thay huyết tương trong suy gan cấp	X	X		
199	Lọc máu hấp phụ với than hoạt trong ngộ độc cấp	X	X		
200	Lọc máu hấp phụ phân tử tái tuần hoàn (gan nhân tạo - MARS)	X	X		
	<b>D. THẦN KINH</b>			X	
201	Soi đáy mắt cấp cứu	X	X	X	
202	Chọc dịch tủy sống	X	X	X	
203	Ghi điện cơ cấp cứu	X	X		
204	Đặt ống thông nội sọ	X	X		
205	Theo dõi áp lực nội sọ liên tục $\leq 8$ giờ	X	X		
206	Tiêu huyết khối não thất cấp cứu	X			
207	Ghi điện não đồ cấp cứu	X	X		
208	Siêu âm Doppler xuyên sọ	X	X		
209	Dẫn lưu não thất cấp cứu $\leq 8$ giờ	X	X		
210	Làm test chết não thực hiện trong 12 -24 giờ	X	X		
211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường $\leq 8$ giờ	X	X	X	X
212	Theo dõi oxy tế bào não (PbO2) $\leq 8$ giờ	X	X		
213	Điều trị co giật liên tục $\leq 8$ giờ	X	X	X	
214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu $\leq 8$ giờ	X	X	X	
	<b>Đ. TIÊU HOÁ</b>			X	
215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	X	X	X	X
216	Đặt ống thông dạ dày	X	X	X	X
217	Mở thông dạ dày bằng nội soi	X	X		

218	Rửa dạ dày cấp cứu	X	X	X	X
219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	X	X	X	X
220	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	X	X	X	
221	Thụt tháo	X	X	X	X
222	Thụt giữ	X	X	X	X
223	Đặt ống thông hậu môn	X	X	X	X
224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	X	X	X	X
225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	X	X	X	X
226	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng $\leq 8$ giờ	X	X	X	
227	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày $\leq 8$ giờ	X	X	X	
228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	X	X	X	X
229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên $\leq 8$ giờ	X	X	X	X
230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm $\leq 8$ giờ	X	X	X	
231	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu	X	X	X	
232	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu	X	X	X	
233	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu có gây mê tĩnh mạch	X	X	X	
234	Nội soi trực tràng cấp cứu	X	X	X	
235	Nội soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	X	X	X	
236	Nội soi đại tràng cầm máu	X	X	X	
237	Nội soi đại tràng sinh thiết	X	X	X	
238	Đo áp lực ổ bụng	X	X	X	
239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	X	X	X	
240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	X	X	X	
241	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu $\leq 8$ giờ	X	X	X	
242	Rửa màng bụng cấp cứu	X	X	X	
243	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp $\leq 8$ giờ	X	X	X	
244	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	X	X	X	
	<b>E. TOÀN THÂN</b>			X	
245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	X	X	X	
246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	X	X	X	X
247	Hạ thân nhiệt chỉ huy	X	X	X	
248	Nâng thân nhiệt chỉ huy	X	X	X	
249	Giải stress cho người bệnh	X	X	X	
250	Kiểm soát đau trong cấp cứu	X	X	X	
251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	X	X	X	X
252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch $\leq 8$ giờ	X	X	X	X
253	Lấy máu tĩnh mạch bệnh	X	X	X	X
254	Truyền máu và các chế phẩm máu	X	X	X	X
255	Kiểm soát pH máu bằng bicarbon ate $\leq 8$ giờ	X	X	X	
256	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch	X	X	X	
257	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch	X	X	X	
258	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy $\leq 8$ giờ	X	X	X	

259	Rửa mắt tẩy độc	X	X	X	
260	Chăm sóc mắt ở n người bệnh hôn mê (một lần)	X	X	X	
261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	X	X	X	X
262	Gội đầu cho người bệnh tại gi ường	X	X	X	X
263	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	X	X	X	X
264	Tắm cho người bệnh tại gi ường	X	X	X	X
265	Tắm tẩy độc cho người bệnh	X	X	X	X
266	Xoa bóp phòng chống loét	X	X	X	X
267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	X	X	X	
268	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu □ 8 giờ	X	X	X	
269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	X	X	X	X
270	Ga rô hoặc bã ng ép cầm máu	X	X	X	X
271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc	X	X	X	
272	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ	X	X	X	
273	Điều trị giải độc bằng huyết thanh kháng nọc đặc hiệu	X	X	X	
274	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp	X	X	X	
275	Băng bó vết thương	X	X	X	X
276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	X	X	X	X
277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	X	X	X	X
278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	X	X	X	X
279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	X	X	X	
280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	X	X	X	
	<b>G. XÉT NGHIỆM</b>			X	
281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	X	X	X	X
282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	X	X	X	
283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm	X	X	X	
284	Định nhóm máu tại gi ường	X	X	X	X
285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	X	X	X	X
286	Đo các chất khí trong máu	X	X	X	
287	Đo lactat trong máu	X	X	X	
288	Định tính chất độc bằng test nhanh – một lần	X	X	X	
289	Định tính chất độc bằng sắc ký lớp mỏng – một lần	X	X		
290	Xét nghiệm cồn trong hơi thở	X	X		
291	Định tính chất độc bằng HPLC – một lần	X			
292	Định lượng chất độc bằng HPLC – một lần	X			
293	Định tính chất độc bằng sắc ký khí – một lần	X			
294	Định lượng chất độc bằng sắc ký khí – một lần	X			
295	Định lượng chất độc bằng phương pháp khác – một lần	X			
296	Phát hiện opiat bằng naloxone	X	X	X	
297	Định lượng nhanh Troponin T trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	X	X	X	
298	Định lượng nhanh NT -ProBNP trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	X	X	X	
299	Định lượng nhanh D -Dimer trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	X	X	X	



300	Định lượng nhanh myoglobin trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
301	Định lượng nhanh CK -MB trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
302	Xác định nhanh INR/PT/ Quick % tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
	<b>H. THĂM DÒ KHÁC</b>			x	
303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	x	x	x	
304	Chụp X quang cấp cứu tại giường	x	x	x	
	<b>I. HÔ HẤP</b>				
305	Chăm sóc bệnh nhân thở máy	x	x	x	
306	Đo áp lực của bóng chèn ở bệnh nhân đặt nội khí quản hoặc mở khí quản	x	x	x	
307	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản xét nghiệm của bệnh nhân cúm ở khoa hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
308	Đo áp lực thực quản trong thông khí nhân tạo	x	x		
309	Vệ sinh khử khuẩn máy thở	x	x	x	
310	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy	x	x	x	
311	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống hút đờm có đầu bảo vệ để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy	x	x	x	
312	Thông khí nhân tạo nằm sấp trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)	x	x		
313	Lọc máu liên tục CVVH trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)	x	x		
314	Đo nồng độ Carboxyhemoglobin bằng phương pháp mạch náy (SpCO)	x	x	x	
315	Đo nồng độ Methemoglobin bằng phương pháp mạch náy (SpMet)	x	x	x	
316	Đo thể tích khí tự thở và áp lực âm tối đa đường thở thì hít vào	x	x	x	
	<b>K. TIM MẠCH</b>				
317	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
318	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
319	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
320	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
321	Ép tim ngoài lồng ngực bằng máy tự động	x	x	x	
322	Khai thông động mạch vành bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị nhồi máu cơ tim cấp	x	x	x	
323	Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
324	Chăm sóc catheter swan-ganz ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu	x	x		
325	Đo và theo dõi liên tục áp lực tĩnh mạch trung tâm qua công đo áp lực trên máy theo dõi	x	x	x	
	<b>L. TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU</b>				
326	Thay huyết tương bằng gelatin hoặc dung dịch cao phân tử	x	x		
327	Thay huyết tương trong điều trị đợt cấp lupus ban đỏ hệ thống với dịch thay thế albumin 5%	x	x		
328	Thay huyết tương trong điều trị đợt cấp lupus ban đỏ hệ thống với dịch thay thế albumin 5% kết hợp với hydroxyethyl starch (HES)	x	x		
329	Thay huyết tương trong điều trị đợt cấp lupus ban đỏ hệ thống với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	x	x		
330	Lọc máu liên tục trong hội chứng tiêu cơ vân cấp	x	x		
331	Lọc máu thẩm tách liên tục trong hội chứng tiêu cơ vân cấp	x	x		

332	Lọc máu hấp phụ cytokine với quả lọc pmx (polymicin b)	x	x		
333	Chăm sóc catheter tĩnh mạch đùi ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu	x	x	x	
334	Chăm sóc ống thông bàng quang	x	x	x	x
335	Chăm sóc catheter thận nhân tạo ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
336	Rửa bàng quang ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
337	Lọc máu cấp cứu ở bệnh nhân có mở thông động tĩnh mạch (FAV)	x	x	x	
	<b>M. THẦN KINH</b>				
338	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain -barré với dịch thay thế albumin 5%	x	x		
339	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain -barré với dịch thay thế albumin 5% kết hợp với dung dịch cao phân tử	x	x		
340	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain -barré với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	x	x		
341	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ	x	x		
342	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ với dịch thay thế albumin 5%	x	x		
343	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ với dịch thay thế albumin 5% kết hợp với dung dịch cao phân tử	x	x		
344	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	x	x		
345	Điều trị an thần giãn cơ < 8 giờ trong hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
346	Khai thông mạch não bằng điều trị thuốc tiêu sợi huyết trong nhồi máu não cấp	x	x	x	
	<b>N. HUYẾT HỌC</b>				
347	Thay huyết tương điều trị ban xuất huyết giảm tiểu cầu huyết khối (TTP) với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	x	x		
	<b>O. TIÊU HÓA</b>				
348	Thay huyết tương tươi bằng huyết tương tươi đông lạnh trong điều trị suy gan cấp	x	x		
349	Lọc máu hấp phụ bilirubin trong điều trị suy gan cấp	x	x		
350	Gan nhân tạo trong điều trị suy gan cấp	x	x		
351	Nội soi dạ dày-tá tràng điều trị chảy máu do ổ loét bằng tiêm xơ tại đơn vị hồi sức tích cực	x	x	x	
352	Nội soi tiêu hóa cầm máu cấp cứu bằng vòng cao su tại đơn vị hồi sức tích cực	x	x	x	
353	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng cầm máu bằng kẹp clip đơn vị hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
354	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng gây mê tại đơn vị hồi sức tích cực	x	x	x	
355	Chọc hút dẫn lưu nang giả tụy dưới hướng dẫn của siêu âm trong hồi sức cấp cứu	x	x	x	
356	Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp	x	x	x	
357	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu	x	x	x	
358	Đo áp lực ổ bụng trong hồi sức cấp cứu	x	x	x	
359	Thay huyết tương trong điều trị viêm tụy cấp do tăng triglyceride	x	x		
360	Theo dõi liên tục áp lực ổ bụng gián tiếp qua bàng quang	x	x	x	
	<b>P. CHỐNG ĐỘC</b>				

361	Nội soi phế quản điều trị sặc phổi ở bệnh nhân ngộ độc cấp	X	X	X	
362	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc	X	X	X	
363	Điều trị giảm nồng độ canxi máu	X	X	X	
364	Điều trị thải độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu	X	X	X	
365	Điều trị thải độc chì	X	X	X	
366	Điều trị ngộ độc cấp ma túy nhóm opi	X	X	X	
367	Tư vấn cho bệnh nhân ngộ độc	X	X	X	
368	Xử lý mẫu xét nghiệm độc chất	X	X	X	
369	Xét nghiệm định tính một chỉ tiêu ma túy trong nước tiểu	X	X	X	
370	Xét nghiệm sàng lọc và định tính 5 loại ma túy	X	X	X	
371	Xét nghiệm định tính Porphobilinogen (PBG) trong nước tiểu	X	X	X	
372	Xét nghiệm định tính porphyrin trong nước tiểu	X	X	X	
373	Xét nghiệm định lượng cấp NH3 trong máu	X	X	X	
374	Đo áp lực thẩm thấu dịch sinh học (một chỉ tiêu)	X	X	X	
375	Định lượng một chỉ tiêu kim loại nặng trong máu bằng máy quang phổ hấp phụ nguyên tử	X			
376	Xác định thành phần hóa chất bảo vệ thực vật trong dịch sinh học bằng máy sắc ký khí khối phổ	X			
377	Định lượng methanol bằng máy sắc ký khí khối phổ	X			
378	Định lượng ethanol bằng máy sắc ký khí khối phổ	X			
379	Định lượng một chỉ tiêu thuốc bằng máy sinh hóa miễn dịch	X	X		
380	Sử dụng thuốc giải độc trong ngộ độc cấp (chưa kể tiền thuốc)	X	X	X	
381	Giải độc ngộ độc rượu methanol và ethylene glycol	X	X	X	
382	Điều trị giảm nồng độ natri máu ở bệnh nhân bị rắn cắn nia cắn	X	X	X	
	<b>Q. CÁC KỸ THUẬT KHÁC</b>				
383	Xét nghiệm định tính nhanh nọc rắn	X	X	X	
384	Xét nghiệm định tính nọc rắn bằng phương pháp ELISA	X	X		
385	Xét nghiệm định lượng nọc rắn bằng phương pháp ELISA	X			
386	Khai thông động mạch phổi bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị tắc mạch phổi cấp	X	X	X	